



KẾ VỊ TÔNG ĐỒ

từ Thánh Phêrô tại Antiôkia, qua Tòa Thượng phụ Chính Thống Syria Antiôkia, cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

ĐỨC GIÁM MỤC

GARLAND F. BYERS, JR., J.D., D.D.

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ



1. THÁNH PHÊRÔ, TÔNG ĐỒ VÀ TỬ ĐẠO^{CO}

được Chúa Kitô kêu gọi khoảng năm 30 sau Công nguyên; giám mục tiên khởi của Antiôkia được nêu tên trong Kinh Thánh: “Người là Phi-e-rô, ta sẽ lập Hội thánh ta trên đá này” (Ma-thi-ơ 16:18); tại Antiôkia (Ga-la-ti 2:11)

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Phêrô, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Phêrô đến Ignatius Peter IV, Thượng phụ Antiôkia, theo danh sách các thượng phụ Antiôkia do Giáo hội Chính Thống Syria lưu giữ: chính là danh sách mà Giáo hội ấy dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Phêrô, giám mục tiên khởi của Antiôkia.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công

nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

- Cp.** Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.
- C** Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.
- O** Được Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.
- CO** Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

ANTIÔKIA

Tòa Antiôkia, nơi “người ta bắt đầu xưng môn đồ là Cơ-rê-tiên” (Công Vụ các Sứ đồ 11:26), do Thánh Phêrô sáng lập trước khi ngài đến Rôma. Các giám mục và thượng phụ Antiôkia từ Thánh Evôđiô, người kế vị Thánh Phêrô, đến Severus, vị thượng phụ cuối cùng mà cả Giáo hội Chính Thống Syria lẫn Giáo hội Chính Thống Hy Lạp cùng công nhận chung.

2. Th. Evôđiô ^{CO}	53
3. Th. Ignatiô ^{CO} <i>Tử đạo</i>	68
4. Heron I	100
5. Cornelius	127
6. Heron II	151
7. Th. Theophilus ^{CO}	169
8. Maximus I	188
9. Th. Serapion ^{CO}	191
10. Th. Asclepiades ^{CO}	212
11. Philetus	218
12. Zebinus	232
13. Th. Babylas ^{CO} <i>Tử đạo</i>	240
14. Fabius	253
15. Demetrian	256

16. Amphilochius	263
17. Paul thành Samosata	267
18. Domnus I	270
19. Timaeus	273
20. Cyril	277
21. Tyrannion	299
22. Vitalius	308
23. Th. Philogonius ^{CO}	314
24. Paulinus	324
25. Th. Eustathius ^{CO}	325
26. Eulalius	332
27. Euphronius	333
28. Flacillus	334
29. Stephen I	341
30. Leontius	345
31. Eudoxius	350
32. Th. Meletius ^{CO}	354
33. Anianus	357
34. Euzoius	360
35. Dorotheus	370
36. Paulinus II	371

37. Vitalius II	376
38. Th. Flavian I ^{CO}	384
39. Porphyrius	404
40. Alexander	408
41. Theodotus	418
42. John I	427
43. Domnus II	443
44. Maximus II	450
45. Basil	459
46. Acacius	459
47. Martyrius	461
48. Peter Thợ Nện Vải	465
49. Julian	466
50. Gioan II	475
51. Stêphanô II	490
52. Stêphanô III	493
53. Calandion	495
54. John Codonatus	495
55. Palladius	497
56. Flavian II	505
57. Severus	513

TÒA THƯỢNG PHỤ CHÍNH THỐNG SYRIA —

Từ khi Severus bị phế truất năm 518, các Thượng phụ Chính Thống Syria của Antiôkia, theo danh sách do Giáo hội ấy lưu giữ, cho đến Ignatius Peter IV, vị đã tấn phong Paulose Mar Athanasius làm Giám mục Kottayam năm 1877, cho Giáo hội tại Ấn Độ.

58. Sergius thành Tella	544
59. Paul II Người Đen	564
60. Peter III thành Callinicum	581
61. Julian II	591
62. Athanasius I Gammolo	595
63. John III của Sedre	631
64. Theodore	649

65. Severus II bar Masqeh	668
66. Athanasius II Baldoyo	684
67. Julian III	687
68. Elias I	709
69. Athanasius III	724
70. Iwannis I	740
71. George I	758
72. Joseph	790
73. Quriaqos thành Tagrit	793
74. Dionysius I Telmaharoyo	818
75. Gioan IV	846
76. Ignatius II	878
77. Theodosius Romanus	887
78. Dionysius II	897
79. Gioan V	910
80. Basil I	923
81. Gioan VI	936
82. Iwannis II	954
83. Dionysius III	958
84. Abraham I	962
85. John VII Sarigta	965
86. Athanasius IV Salhoyo	987
87. John VIII bar Abdoun	1004
88. Dionysius IV Yahyo	1031
89. John IX bar Abdun	1049
90. Athanasius V Yahyo	1058
91. John X bar Shushan	1064
92. Basil II	1074
93. John bar Abdun	1075
94. Dionysius V Lazarus	1077
95. Iwannis III	1086
96. Dionysius VI	1088
97. Athanasius VI bar Khamoro	1091
98. John XI bar Mawdyono	1130

99. Athanasius VII bar Qatra	1139
100. Michael I người Syria	1166
101. Athanasius VIII bar Salibi	1199
102. Gioan XII	1208
103. Ignatius III David	1222
104. Dionysius VII Angur	1252
105. John XIII bar Ma'dani	1252
106. Ignatius IV Yeshu	1264
107. Philoxenus I Nemrud	1283
108. Michael II	1292
109. Michael III Yeshu	1312
110. Basil III Gabriel	1349
111. Philoxenus II	1387
112. Basil IV Simon	1421
113. Ignatius Behnam Hadloyo	1445
114. Ignatius Khalaf	1456
115. Ignatius John XIV	1484
116. Ignatius Noah	1494
117. Ignatius Yeshu I	1509
118. Ignatius Jacob I	1512
119. Ignatius David I	1519
120. Ignatius Abdullah I	1521
121. Ignatius Ni'matallah	1557
122. Ignatius David II Shah	1576
123. Ignatius Pilate	1591
124. Ignatius Hidayat Allah	1598
125. Ignatius Simon	1640
126. Ignatius Yeshu II	1655

127. Ignatius Abdulmasih I	1662
128. Ignatius George II	1687
129. Ignatius Isaac II	1709
130. Ignatius Shukrallah II	1723
131. Ignatius George III	1746
132. Ignatius George IV	1768
133. Ignatius Matthew	1782
134. Ignatius Yunan	1817
135. Ignatius George V	1819
136. Ignatius Elias II	1838
137. Ignatius Jacob II	1847
138. Ignatius Peter IV	1872

ẤN ĐỘ, TÍCH LAN VÀ HOA KỲ

Từ Paulose Mar Athanasius, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình. Cùng với Thánh Gregorios thành Parumala, Mar Athanasius và Mar Julius I đã tấn phong Joseph René Vilatte tại Colombo, Ceylon, năm 1892, với sự ưng thuận của Thượng phụ.

139. Paulose Mar Athanasius	1877
140. Antonio Francisco Xavier Alvares (Mar Julius I)	1889
141. Joseph René Vilatte (Mar Timotheos)	1892
142. Francis John Edmund Barwell- Walker	1923
143. Emile Rodriguez y Fairfield	khoảng năm 1961
144. Nils Bertil Alexander Persson	1986
145. Samuel Guido, Jr.	2004

146.

GARLAND F. BYERS, JR.

2013

DÒNG KẾ VỊ CHUNG VỚI THƯỢNG PHỤ CHÍNH THỐNG SYRIA CỦA ANTIÔKIA

Thượng phụ Chính Thống Syria của Antiôkia và toàn Đông phương hiện nay, Thượng phụ Ignatius Aphrem II, và Đức Giám mục Byers cùng chung một dòng kế vị tông đồ từ Thánh Phêrô tại Antiôkia cho đến Thượng phụ Ignatius Peter IV (Thượng phụ Antiôkia 1872–1894). Chính tay Thượng phụ Peter IV đã tấn phong các giám mục mà từ đó cả hai dòng kế vị phát xuất: trong dòng kế vị của Thượng phụ Aphrem II là Gregorios Abded Aloho, về sau là Thượng phụ Ignatius Abded Aloho II, năm 1872; trong dòng kế vị của Đức Giám mục Byers là Paulose Mar Athanasius, Giám mục Kottayam, năm 1877.



BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

Lễ phong chức

Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Tấn phong giám mục

Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong

Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong

Giám mục Bradley A. Varvil

Giám mục Michael Byus

Giám mục James Thompson

Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang [Về Đức](#)

[Giám mục](#).

PHỤC VỤ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (...) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ hoa bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn “Ááy” thành “Ấy”); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Thánh Phêrô, trích từ bức tiểu họa Thăng Thiên trong Sách Phúc Âm Rabbula (tờ 13v), một sách Phúc Âm tiếng Syria hoàn thành năm 586 sau Công nguyên tại Đan viện Thánh Gioan Zagba ở Syria; Biblioteca Medicea Laurenziana, Firenze (Plut. I, 56). Lấy từ [Wikimedia Commons](#), public domain; đã cắt xén và đổi kích thước so với bản gốc.